

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán điều chỉnh ngân sách năm 2025
của Cục Quản lý Thi hành án dân sự**

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1898/QĐ-BTP ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 159/QĐ-CQLTHADS ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự về việc giao điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Cục Quản lý Thi hành án dân sự (theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Kế hoạch - Tài chính Cục Quản lý Thi hành án dân sự và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thứ trưởng Mai Lương Khôi (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Cục Kế hoạch - Tài chính (để p/h);
- Cổng thông tin điện tử Cục QLTHADS (để đăng tải thông tin);
- Lưu: VT, KHTC.



Trần Thị Phương Hoa

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán được giao			Dự toán phân bổ		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (LOẠI 340-341)	0	0	0	0	0	
	Giao tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
0	Văn phòng Cục	-2.900.000	-2.900.000	0	-2.900.000	-2.900.000	
	Giao tự chủ tài chính	-2.900.000	-2.900.000		-2.900.000	-2.900.000	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
1	THADS thành phố Hà Nội	0	0	0	0	0	
	Giao tự chủ tài chính	0	0		0	0	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
2	THADS thành phố Hồ Chí Minh	200.000	200.000	0	200.000	200.000	
	Giao tự chủ tài chính	200.000	200.000		200.000	200.000	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
3	THADS thành phố Hải Phòng	100.000	100.000	0	100.000	100.000	
	Giao tự chủ tài chính	100.000	100.000		100.000	100.000	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
4	THADS thành phố Cần Thơ	200.000	200.000	0	200.000	200.000	
	Giao tự chủ tài chính	200.000	200.000		200.000	200.000	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
5	THADS thành phố Đà Nẵng	100.000	100.000	0	100.000	100.000	
	Giao tự chủ tài chính	100.000	100.000		100.000	100.000	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
6	THADS thành phố Huế	0	0	0	0	0	
	Giao tự chủ tài chính	0	0		0	0	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
7	THADS tỉnh An Giang	100.000	100.000	0	100.000	100.000	
	Giao tự chủ tài chính	100.000	100.000		100.000	100.000	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
8	THADS tỉnh Bắc Ninh	100.000	100.000	0	100.000	100.000	
	Giao tự chủ tài chính	100.000	100.000		100.000	100.000	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
9	THADS tỉnh Cà Mau	100.000	100.000	0	100.000	100.000	
	Giao tự chủ tài chính	100.000	100.000		100.000	100.000	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
10	THADS tỉnh Cao Bằng	0	0	0	0	0	
	Giao tự chủ tài chính	0	0		0	0	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
11	THADS tỉnh Đắk Lắk	100.000	100.000	0	100.000	100.000	
	Giao tự chủ tài chính	100.000	100.000		100.000	100.000	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
12	THADS tỉnh Điện Biên	0	0	0	0	0	
	Giao tự chủ tài chính	0	0		0	0	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	

h

STT	Chi tiêu	Dự toán được giao			Dự toán phân bổ		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
13	THADS tỉnh Đồng Nai	100.000	100.000	0	100.000	100.000	
	Giao tự chủ tài chính	100.000	100.000		100.000	100.000	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
14	THADS tỉnh Đồng Tháp	100.000	100.000	0	100.000	100.000	
	Giao tự chủ tài chính	100.000	100.000		100.000	100.000	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
15	THADS tỉnh Gia Lai	100.000	100.000	0	100.000	100.000	
	Giao tự chủ tài chính	100.000	100.000		100.000	100.000	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
16	THADS tỉnh Hà Tĩnh	0	0	0	0	0	
	Giao tự chủ tài chính	0	0		0	0	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
17	THADS tỉnh Hưng Yên	100.000	100.000	0	100.000	100.000	
	Giao tự chủ tài chính	100.000	100.000		100.000	100.000	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
18	THADS tỉnh Khánh Hòa	100.000	100.000	0	100.000	100.000	
	Giao tự chủ tài chính	100.000	100.000		100.000	100.000	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
19	THADS tỉnh Lai Châu	0	0	0	0	0	
	Giao tự chủ tài chính	0	0		0	0	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
20	THADS tỉnh Lạng Sơn	0	0	0	0	0	
	Giao tự chủ tài chính	0	0		0	0	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
21	THADS tỉnh Lào Cai	100.000	100.000	0	100.000	100.000	
	Giao tự chủ tài chính	100.000	100.000		100.000	100.000	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
22	THADS tỉnh Lâm Đồng	200.000	200.000	0	200.000	200.000	
	Giao tự chủ tài chính	200.000	200.000		200.000	200.000	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
23	THADS tỉnh Ninh Bình	200.000	200.000	0	200.000	200.000	
	Giao tự chủ tài chính	200.000	200.000		200.000	200.000	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
24	THADS tỉnh Nghệ An	0	0	0	0	0	
	Giao tự chủ tài chính	0	0		0	0	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
25	THADS tỉnh Phú Thọ	200.000	200.000	0	200.000	200.000	
	Giao tự chủ tài chính	200.000	200.000		200.000	200.000	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
26	THADS tỉnh Quảng Ninh	0	0	0	0	0	
	Giao tự chủ tài chính	0	0		0	0	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
27	THADS tỉnh Quảng Ngãi	100.000	100.000	0	100.000	100.000	
	Giao tự chủ tài chính	100.000	100.000		100.000	100.000	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
28	THADS tỉnh Quảng Trị	100.000	100.000	0	100.000	100.000	
	Giao tự chủ tài chính	100.000	100.000		100.000	100.000	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
29	THADS tỉnh Sơn La	0	0	0	0	0	
	Giao tự chủ tài chính	0	0		0	0	

STT	Chỉ tiêu	Dự toán được giao			Dự toán phân bổ		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
30	THADS tỉnh Tây Ninh	100.000	100.000	0	100.000	100.000	
	Giao tự chủ tài chính	100.000	100.000		100.000	100.000	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
31	THADS tỉnh Tuyên Quang	100.000	100.000	0	100.000	100.000	
	Giao tự chủ tài chính	100.000	100.000		100.000	100.000	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
32	THADS tỉnh Thái Nguyên	100.000	100.000	0	100.000	100.000	
	Giao tự chủ tài chính	100.000	100.000		100.000	100.000	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
33	THADS tỉnh Thanh Hóa	0	0	0	0	0	
	Giao tự chủ tài chính	0	0		0	0	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	
34	THADS tỉnh Vĩnh Long	200.000	200.000	0	200.000	200.000	
	Giao tự chủ tài chính	200.000	200.000		200.000	200.000	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0	0	0	0	

